TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HUỆ** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do -Hạnh phúc**

Bản án số: 97/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 21-12-2024
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HUỆ TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Bích Liên.
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Triệu Thanh Quan
Ông Đoàn Văn Nhanh

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Mai Thị Bé Đào - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ, tỉnh Long An.

Ngày 21 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 237/2024/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 9 năm 2024 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 94/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Cái Thị Minh T - Sinh năm 1979 - Địa chỉ: Ấp V, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An (Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt ngày 22-11-2024).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T1 - Sinh năm 1977 - Địa chỉ: Ấp V, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10-9-2024, các văn bản tiếp theo, nguyên đơn là bà Cái Thị Minh T trình bày: bà T và ông Nguyễn Văn T1 cưới nhau năm 2007, đăng ký kết hôn ngày 09-9-2010 tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã M, huyện Đ, tỉnh Long An. Vợ chồng chung sống đến đầu năm 2024 thì xảy ra mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm dẫn đến thường xuyên gây cãi nhau, mất hạnh phúc gia đình. Về hôn nhân: bà T yêu cầu ly hôn với ông T1. Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Thái H, sinh ngày 09-5-2009, hiện con chung đang sống với bà T và ông T1. Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng

nuôi con chung. Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: không có.

Ông Nguyễn Văn T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thẩm quyền: bà Cái Thị Minh T khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Nguyễn Văn T1. Ông T1 cư trú tại huyện Đ, tỉnh Long An nên Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Ông T1 đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án gồm thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải (02 lần) nhưng không có mặt để tham gia hòa giải. Vì vậy đây là vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bà T có đơn xin xét xử vắng mặt, ông T1 vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án.

[3]. Xét yêu cầu ly hôn của bà T: bà T và ông T1 xác lập quan hệ vợ chồng có đăng ký kết hôn ngày 09-9-2010 tại UBND xã M, huyện Đ, tỉnh Long An nên quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông T1 là hôn nhân hợp pháp theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Bà T cho rằng vợ chồng mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm dẫn đến thường xuyên gây cãi nhau, mất hạnh phúc gia đình. Tòa án đã triệu tập ông T1 để hòa giải hai lần nhưng ông T1 vẫn vắng mặt, bỏ mặc, không có ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh về tình trạng hôn nhân giữa ông và bà T. Xét mâu thuẫn giữa bà T và ông T1 đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà T có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4]. Về con chung: bà T cho rằng con chung tên Nguyễn Thái H, sinh ngày 09-5-2009, hiện đang sống với bà T và ông T1. Ông T1 vắng mặt tại phiên tòa, không thể hiện ý kiến về con chung nhưng con chung thể hiện nguyện vọng muốn sống với ông T1 nên để đảm bảo cho sự ổn định, phát triển của con chung thì giao cho ông T1 trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Bà T và ông T1 vắng mặt, không có ý kiến về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Nếu sau này giữa bà T và ông T1 có phát sinh tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con chung thì có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

[5]. Về tài sản chung và nợ: Bà T cho rằng không yêu cầu Tòa án giải quyết và không có nợ. Ông T1 vắng mặt tại phiên tòa, không thể hiện ý kiến về tài sản và nợ

nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết về tài sản và nợ trong vụ án này. Nếu sau này giữa bà T và ông T1 có phát sinh tranh chấp về tài sản hoặc về nợ thì có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

[6]. Về án phí dân sự sơ thẩm: bà T là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án). Ông T1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Cái Thị Minh T đối với ông Nguyễn Văn T1 về việc “ly hôn”;

Về hôn nhân: Cho bà Cái Thị Minh T được ly hôn với ông Nguyễn Văn T1.

Về nuôi con chung: ông Nguyễn Văn T1 được quyền trực tiếp nuôi con chung Nguyễn Thái H, sinh ngày 09-5-2009, hiện đang sống với bà T và ông T1.

Buộc bà Cái Thị Minh T giao cháu Nguyễn Thái H cho ông T1 nuôi dưỡng khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bà T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Khi cần thiết, vì quyền và lợi ích hợp pháp của con chung, bà T, ông T1 được quyền yêu cầu thay đổi tình trạng nuôi con chung và việc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Cái Thị Minh T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0004683 ngày 19-9-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Huệ.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS;
- Các đương sự;
- UBND xã Mỹ Thạnh Tây;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Trần Thị Bích Liên